

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOÀNG PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 8 số 82 — Ngày 2-8-49 (Mồng 8-7 Kỷ-Sửu)
Phật lịch 2512

MỤC LỤC

Tự Tứ	VIÊN-ÂM
Kinh-Thủ-Lăng-Nghiêm	
(Diễn nghĩa và Đại ý)	THIỆN-SIÊU
Phát Bồ-Đề-Tâm	TRÍ-QUANG
Chữ Tu trong Đạo Phật.	THIỆN-SIÊU
Phật giáo có những khuyết điểm ấy không ?	HÙNG-KHANG
Vu-Lan-Bồn (Thơ)	TỔNG-ẢNH-NHỊ
Những Mẫu Chuyện Đạo	MINH-CHÂU

LỜI THANH MINH

Gần đây có một bài sấm « Núi Nga Mi » lưu hành trong dân gian. Bài sấm ấy xa hẳn với giáo lý đạo Phật.

Trông mong toàn thể hội hữu xem đó như là một lối tuyên truyền mê-tín, dị-đoan và đừng để tâm đến.

TY QUAN-LÝ VIÊN-ÂM

Kính quý Độc-giả,

Có một số ít Độc giả gửi thư và ngân phiếu đến mua VIÊN-ÂM. Chúng tôi muốn tránh sự thất-lạc báo, kinh, cho nên giới thiệu đến các Đại-lý của Viên-Âm được tiện lợi, và khỏi phải tốn cước phí. Thật ra, không được vừa lòng Độc-giả, và Độc-giả cũng chưa có số báo tận tay.

Vậy mong quý Độc-giả lượng-thứ cho, chúng tôi đang tìm cách đề gởi gấm khỏi thất lạc.

Các Độc giả mua VIÊN-ÂM kỳ hạn 3 tháng đến số 81 là đủ. Chúng tôi cứ vẫn gởi tiếp số 82 để khỏi gián-đoạn.

VIÊN-ÂM

Ngày

TỰ' TỰ'

Bất cứ một phương pháp gì của đức Phật dạy, cũng đều có muôn ngàn lợi ích cho tất cả chúng sinh. Trong kinh VU-LAN nói : « Sau khi đức Mục-Liên Tôn-Giả mục kích cảnh hình phạt ghê gớm của mẫu thân, bèn vội trở về bạch Phật, cầu một phương pháp để cứu mẹ. Đức Phật dạy : Ấc báo của mẹ ; người chỉ có lời chú nguyện của mười phương Đại đức-tăng trong ngày TỰ-TỰ mới giải cứu được, nên đến ngày ấy phải thiết trai cúng dường ».

Tại sao đức Phật lại đặc biệt nói đến ngày TỰ TỰ mà không nói những ngày thường, và ngày TỰ TỰ có những năng lực gì mà thâu được một hiệu quả thù thắng như thế ?

Đây tôi xin giải thích ý nghĩa của ngày ấy thì các bạn sẽ thấy một đoàn thể Tăng-Già luôn luôn sống trong pháp LỤC HÓA, mà thân thể, lời nói và ý nghĩ đều thanh tịnh, sáng như gương, trong như ngọc, không một mảy trần tội lỗi.

TỰ TỰ NHẬT là một thuật-ngữ trong Kinh Luật, là ngày An-cư đã xong. TỰ TỰ tiếng I-ham là bát-lặc-ba-lặc-noa (Pravarana). Xưa dịch là TỰ TỰ, gần đây dịch là tùy-ý : Hiến mình đề tùy-ý người chỉ trích những chỗ lỗi-lầm. Nói một cách phổ-thông thì mỗi người chúng ta, đều có thể tự-tứ ; nghĩa là họp nhau để phê bình những hành-vi lầm lạc ; nói theo nghĩa hẹp, thì chỉ đặc-biệt nơi hàng xuất-gia, sau ba tháng an-cư, đến ngày Rằm tháng Bảy, phải làm phép TỰ-TỰ.

Sáng ngày ấy Tăng chúng nhém họp xong, cử một vị đứng ra đề tự-tứ (thọ tự-tứ). Người được cử không cần

hiều tuổi hay ít tuổi, hạ-lạp cao hay thấp, chỉ cần đủ năm đức : 1) không có tâm thiên vị. 2) không có lòng giận ghét ; 3) không sợ người thù hiềm ; 4) có đủ tri-huệ sáng suốt , giản trạch thể nào là phạm, thể nào không phạm ; 5) biết rõ tâm ý người bằng lòng chỉ lỗi (Tự-Tứ) hay không. Toàn chúng theo thứ lớp đối diện trước vị ấy bạch rằng : Xin Đại-Đức từ bi thương xót, theo trong ba điều thấy tôi có phạm lỗi, hoặc nghe và nghĩ, mong Đại-Đức chỉ giáo cho ; nếu tôi xét có lỗi, xin thành tâm sám hối. »

Nhưng Tự-Tứ chỉ là một phép để chứng chắc rằng đã được trong sạch, vì trước ngày Tự-Tứ, mỗi vị đều tự nghiêm xét, nếu có phạm thì phát lộ sám hối.

Còn ở địa vị phạm-phu, thân thể, lời nói và ý nghĩ hằng bị những vọng tưởng mê mờ điều-khiển, thì những hành động sao cho khỏi sai lầm. Có người tự biết phạm lỗi mà hối cải, nhưng cũng có kẻ chính mình phạm mà không tự biết, hoặc vì lỗi quá nhỏ nên không nhận được, hoặc đứng về phương diện chủ-quan bị bản ngã hay lòng tự ái che lấp, nên khó mà thấy những chỗ lầm lạc của mình, cần phải người khách quan chỉ bảo cho.

Đức Phật dạy : « Người Phật-tử luôn luôn kiểm soát nơi ba nghiệp, đừng để cho điều lầm lỗi xen vào, nhất là những thời tu-tập lại càng phải thanh-tĩnh hơn nữa ; nếu có làm một điều lỗi thì công đức của sự tu hành đã bị giảm một phần nào, vì công đức hay tội lỗi đều quan-hệ trên ba nghiệp, nên ba nghiệp có lỗi thì công đức sẽ bị kém hao, và đã có người chỉ lỗi thì phải tự nhận mà sám hối. Vì thế, nên muốn công đức được viên mãn, cần phải ngay nơi ba nghiệp mà gạn lọc tất cả tội lỗi từ to đến nhỏ. Nhưng biết lỗi mình một cách đầy đủ để cải trừ thì không chi bằng phép Tự-Tứ.

Ngày Tự-Tứ là một bằng chứng cụ-thể ba nghiệp của Tăng-chúng đã hoàn-toàn trong sạch, và tỏ rằng đệ-tử Phật bao giờ cũng hy-sinh bản ngã để mưu sự lợi ích cho mọi người và việc làm của mình được mỹ-mãn.

Với người đời, khi có kẻ khác chỉ cho những chỗ sai lầm hay còn tìm đủ cách để bào chữa, hưởng chi tự đưa mình ra để tùy ý người phê-bình và tự biết lỗi lập tức sửa đổi. Cái cử chỉ như thế, là cử chỉ rất khó làm và ít có, nên ngoài người Phật-tử, khó mà thực hành hoàn toàn cái cử chỉ ấy. Chính vì ý nghĩa ngày Tự-Tứ, có nhiều sự lợi ích, nên Phật chế khi an-cư xong phải làm phép Tự-Tứ. Và sau khi Tự-Tứ rồi, toàn-thể Tăng-già tam nghiệp đều trong sáng, nên một lời cầu nguyện có thể chuyển quả báo khốn khổ nơi ba đường dữ trở thành một cảnh giới an-lạc.

Kinh Hoa-Nghiêm có câu kệ : « Nhứt thể duy Tam tạo ». Khô hình rừng rợn nơi Địa-Ngục, Ngạ-Quỷ là hiện thân của tâm niệm tham tàn, độc ác, những cảnh-giới khoái-lạc nơi cõi trời là sự thù đáp của tâm địa hiện-hoà, nhơn đức và rộng-rãi ; cảnh giới Cực-Lạc muôn báu kỳ lạ trang-nghiêm là nhờ công-dec của người chuyên tâm tu pháp môn Tịnh-Độ, và tất cả cảnh tượng hiện tiền cũng đều do Tâm gây nên. Hoàn cảnh đã có quan hệ với Tâm, thì Tâm thanh-tịnh của một nhóm Tăng-già kết-tinh lại quyết định có thể xoay được cảnh đau-đớn của mẹ Ngài Mục-Liên, điều này chúng ta tin chắc, không còn nghi ngờ gì nữa.

Đến đây tôi mong các bạn đã nhận rõ ý nghĩa của ngày Tự-Tứ, thì các bạn ở trong đoàn-thể nào, hãy thường thúc nhắc những chỗ sai điều dở cho nhau, không nên che đậy và ích-kỷ khi thấy người lầm lạc mà không chỉ bảo. Ấy là các bạn đã thật hành theo tinh-thần của ngày Tự-Tứ.

Và nữa, ngay trong ngày Tự-Tứ của Tết-giã, các bạn nên phát tâm bố thí cúng dường, để nhờ các ngài chú nguyện thì song thân và quyến-thuộc của các bạn sẽ được khỏi nơi bùn lầy đen tối ; cho đến những đồng bào đã bỏ mình vì thời-cuộc trong ba năm qua, chắc cũng do ảnh hưởng ấy mà được siêu thoát khỏi cảnh âu sầu uất-hận, đồng thời chung hưởng một cảnh giới an vui vĩnh viễn.

VIÊN ÂM



KINH THỦ LĂNG NGHIỆM

THÍCH-THIỆN-SIÊU

(DIỄN - NGHĨA)

Ông Tất-Lăng-Già-Bà-Ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lay chân Phật mà bạch rằng : Lúc tôi mới phát tâm theo Phật nhập Đạo, thường nghe đức Như-Lai dạy những điều thống khổ trong thế gian ; tôi đi khất thực trong thành để tâm tư niệm pháp môn đó, bất giác giữa đường đập nhằm gai độc, bị thương chân, sự đau nhức khắp cùng thân thể. Tôi liền nghĩ rằng : Có tánh biết mới biết sự đau nhức đó. Tánh biết ấy chính là Giác-tâm thanh-tịnh, tuy biết cái biết đau mà không phải bị đau. Tôi lại suy nghĩ : Nếu như vậy thì một thân lẽ nào có hai tánh biết ? Nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng nhiên không-tịch ; trong 21 ngày thì các lậu-tập tiêu hết, thành quả A-la-hán, được Phật ân-ký chứng bực Vô-học. Nay Phật hỏi Viên-Thông, thì như chỗ sở-chứng của* tôi, là xả bỏ thân-chấp, thuần một Giác-tánh, ấy là thứ nhất.

Ông Tu-Bồ-Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lay chân Phật, mà bạch rằng : Nhiều kiếp lại đây, tâm tôi rỗng rang không ngăn ngại, nhớ lại kiếp thọ-sinh nhiều như cát sông Hằng, lúc còn ở

trong thai liền biết muôn pháp không-tịch, như thế cho đến thấy cả 10 phương, và giáo hóa khiến cho chúng sinh chứng đẳng Không-tánh. Nhờ đức Như-Lai phát-minh tánh chân-không của bản-giác, tánh Không viên mãn sáng suốt, chứng A-la-hán, kíp vào biển Giác không-tịch sáng suốt tôn quý của Như-Lai, đồng tánh tri-kiến với Phật, nên được ấn chứng thành bậc Vô-học. Tôi do tánh Không mà giải thoát, không ai sánh bằng. Nay Phật hỏi Viên-Thông thì như chỗ sở-chứng của tôi, là đem các tướng qui vào phi-tướng, cũng không năng-phi sở-phi, xoay tánh biết nơi ý-căn về không-vô, ấy là thứ nhất.

Ông Xá-Ly-Phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy lay dưới chân Phật mà bạch rằng: Tôi nhiều kiếp lại đây, tám thấy rất thanh tịnh, như vậy trong nhiều đời thọ sinh như cát sông Hằng, đối với các pháp biến-hóa của thế-gian xuất-thế-gian hể một phen thấy liền thông suốt không bị ngăn ngại. Một hôm nhân ở giữa đường gặp đặng hai anh em ông Ca-Diếp-Ba tuyên nói kệ nhân-duyên mà ngộ biết tự tâm vốn không ngăn mé. Theo Phật đi xuất gia, tánh thấy biết viên mãn sáng suốt, được sức vô-úy, thành A-la-hán, làm trưởng-tử của Phật, từ miệng Phật mà có, do pháp Phật mà hóa sinh. Nay Phật hỏi Viên-Thông, thì như chỗ sở-chứng của tôi, là do tâm thấy phát sáng, sáng cùng tột các pháp sở-tri sở-kiến, ấy là thứ nhất.

Ông Phồ-Hiền Bồ-Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lay chân Phật mà bạch rằng: Tôi đã từng làm vị Pháp-vương-tử của hằng-sa đức Như-Lai. Mười phương các đức Như-Lai mỗi khi dạy hàng đệ-tử có căn-cơ bồ-tát tu hạnh Phồ-Hiền thấy đều lấy tên tôi mà đặt tên. Thưa Thế-Tôn! Tôi dùng tâm mà nghe và phân biệt mọi niệm-lự trí-kiến của chúng sinh. Nếu ở phương nào khác, ngoài hằng-sa cõi nước có một chúng sinh phát tâm tu hạnh Phồ-Hiền, thì tôi liền trong khi ấy cỡi voi trắng 6 ngà, phân hóa trăm ngàn thân đến khắp các nơi ấy; dầu cho chúng sinh đó nghiệp chướng sâu dày không thể thấy tôi, thì tôi nhân trong khi tối tăm lấy tay sờ đầu, gia hộ an ủi khiến đăng thành tựu công-đức. Nay Phật hỏi Viên-Thông, như bốn nhân chứng ngộ của tôi là phát minh tánh nghe, phân biệt tự tại, ấy là thứ nhất.

(ĐẠI - Ý)

PHÁP GẶP HỎI CHỖ CHÚNG NGỘ DỄ LỰA CHỌN
CĂN VIÊN THÔNG THỪ THẮNG. (tiếp theo)

Thân căn viên thông

Ông Tất-Lăng-Già-Bà-Ta (dịch là dư-tập) nhân tu thân-căn mà ngộ nhập Viên-thông. Giác-tâm thanh tịnh vốn thường bất biến hàm dung, không có năng sở, không có trong ngoài, không bị khô vui làm lay động, chúng sinh nhân mê, khởi ra vọng-tưởng phân biệt, chấp có ngoại cảnh có nội thân. Cuộc tánh biết nơi thân căn là

nơi y-chỉ mà lãnh nạp các cảnh thuận nghịch giữa thế gian, vì vậy nên không tránh khỏi các món khổ.... Ông Tất-lăng-già-bà-ta theo lời Phật, quán khổ-đề giữa thế gian trong khi đi khát thực, bất giác nhân đập nhăm gai độc, đau buốt toàn thân, mà càng chứng rõ khổ-đề một cách thống thiết. Nhân đau nhức mà phát ra suy nghĩ: tự mình biết mình đang đau, vậy đã có cái đau lại có cái biết đau; đau là cái biết hư-vọng nơi thân-căn, tùy nhân duyên ngoại cảnh mà phát hiện, có năng có sở, chứ cái « biết đau » chính là Giác-tâm thanh tịnh ra ngoài có không, dù đau với không đau cũng không thể làm tăng giảm. Ngặt vì trong lúc tâm ngã pháp chưa tiêu nên tướng năng sở vẫn còn hiện tiền, cần phải nhiếp niệm vậy sau mới không cả thân tâm, đoạn trừ năng sở, không thấy có cái tướng hay đau, không thấy có cái tướng bị đau, chỉ thuần một Giác-tâm thanh tịnh. Lúc ấy chẳng những giác tức là giác, mà mê cũng tức là giác, tánh Giác hoàn toàn viên mãn, không còn bị điều chi làm ô nhiễm.

Ý-căn viên thông.

Ông Tu-Bồ-Đề (tàu dịch là Không-sinh) nhân tiêu-trừ ý căn mà chứng nhập Viên-Thông. Ý căn là tánh hay liễu biệt tất cả pháp-trần, hề có pháp-trần thì có y-căn ý-căn, tiêu trừ thì pháp-trần không tịch. Pháp pháp đều không tịch cả, dù sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, tất cả đều không; ở trong thân tâm chánh-báo không, ở ngoài thì thế giới y-báo cũng không, nên tâm dặng tự tại không bị 5 uẩn ngăn che, không bị cái hôn mê cách ẩm, khi ở trong thai cũng như khi ra khỏi thai, chỉ là tùy tướng thọ sinh mà vẫn không bị sắc thân chướng cách. Tuy vậy, mặc dầu ngộ được không-lý nhưng chưa ngộ tánh chân-như của Như-Lai-tạng, là tức nơi không mà tùy duyên hiện hữu.

tức nơi diệu hữu mà vốn không, cái không ấy mới thiết là tánh chân-không của Giác-tánh, viên mãn sáng suốt, cũng tức là lý chân-không của đệ-nhất-nghĩa, của nhất-chân-pháp-giới, vậy nên nhất thời đồn ngộ tánh chân-không ấy tức đồng một tánh thấy biết cùng khắp như Phật, không có sai khác.

Nhân-căn viên thông.

Ông Xá-Lợi-Phất (Tàu dịch là Thu tử) do tu Nhân-thức mà chứng nhập Viên Thông. Do nhân-thức thanh tịnh nên tất cả pháp-tướng của thế-gian xuất-thế-gian đều thấy thông suốt cả, nhận thấy thông suốt các pháp biến hóa ấy nên đến khi nghe nói bài kệ nhân-duyên, liền liền ngộặng thật-tướng trung-đạo, ngộ Tạng-tâm cùng khắp pháp giới, không phải lớn nhỏ, không có ngăn mé trong ngoài. Bài kệ nhân-duyên theo Đại-thừa-nghĩa : Các pháp nhân duyên sanh, tôi nói nó là không, gọi nó là giả-danh, cũng gọi trung-đạo-nghĩa (nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không, diệc danh thị giả danh, diệc danh trung đạo nghĩa). Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, không có thật tánh tức là không ; tuy không nhưng đã tùy vọng nghiệp cơ cảm của chúng sinh chẳng phải không có giả-tướng phát hiện ; ngoài giả không thể có không, ngoài không không thể có giả, không và giả không hai ấy tức là thực-tướng trung-đạo của các pháp, đã ngộ lý trung-đạo tức là ngộ được Tạng-tâm tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, không phải giả không phải không, nhưng không chỗ nào không có, không pháp nào không do Tạng-tâm tùy duyên biến hiện, mà thấy biết cùng tận tất cả pháp, không chút ngăn che sợ hãi.

Nhi-thức viên thông.

Ông Phổ-Hiền Bồ-tát (hạnh độ sanh cùng pháp-giới là phổ, gần địa-vị cực thánh là hiền) nhân tu Nhĩ-thức mà chứng nhập Viên-thông. Phổ-Hiền có ba vị khác nhau :

1) Vị-tiền-phổ-hiền, tức là hai vị Tư-lương và Da-hạnh.

2) Đương-vị-phổ-hiền, tức là Sơ-địa cho đến Hằng-giác Diệu-giác.

3) Vị-hậu-phổ-hiền, tức là khi chứng Phật-quả rồi, nhưng không trú trước cái vui nơi cảnh Niết-bán, chỉ vì nguyên đại bi mà luôn luôn trở lại độ sanh tế vật, như Ngài Văn-Thù, Quán-Âm, Phổ-Hiền, v.v. Vậy biết Ngài Phổ-Hiền là vị đại Bồ-tát đã thành Phật mà trở lại độ sanh. Chính trong nhân địa Ngài đã phát 10 lời đại-nguyện : từ lễ kính chư Phật cho đến phổ giải hồi hướng. Ngài đã phát minh tánh nghe chơn thật của bản-tâm thanh tịnh, không còn tùy từng theo cái nghe hư vọng của nhĩ-căn và nhĩ-thức nên không bị điều chỉ cách ngại, nên hề có mỗi một chúng sinh nào cách xa hằng-sa thế giới mà phát tâm tu hạnh Phổ-Hiền thì Ngài liền quán biết rõ ràng, phân vô số thân cõi voi trắng 6 ngà (biểu sáu độ của Bồ-tát) đến tận nơi mà tìm cách an ủi khuyên lơn, tán thán, gia hộ, khiến chúng sinh ấy mau thành tựu như Ngài. Các vị muốn tu Bồ-tát-thừa, sau khi thấy rõ Chân-tâm, phát minh căn-bản-trí đều phải khởi sai-biệt-trí tùy nghi phương tiện mà giáo hóa độ sanh mới mong thành tựu viên mãn Phật-quả, nếu thiếu hạnh Phổ-Hiền tế độ, quần sanh thì hạnh giác-tha bị thiếu, nên Phật dạy các Bồ-tát tu hạnh lợi tha đều nên tu theo hạnh đức Phổ-Hiền và cũng lấy tên ấy mà làm tên của mình.

(Còn nữa)

Phát Bồ-Đề-Tâm

THÍCH-TRÍ-QUANG

- 1) Thế nào gọi là Bồ-Đề?
- 2) Thế nào gọi là Bồ-Đề-Tâm?
- 3) Thế nào gọi là Phát Bồ-Đề-Tâm?
- 4) Làm thế nào có thể Phát Bồ-Đề-Tâm?

Thế nào gọi là « Bồ-Đề » ?

Chữ «bồ-đề» nguyên dịch âm chữ Boddhi của tiếng phạn mà ra. Chữ ấy dịch ý cho đúng thì phải dịch là GIÁC, ý nghĩa là trí-giác hay giác-ngộ.

Đối lại với trí-giác hay giác-ngộ là mê-hoặc. Vì vậy, bồ-đề là luôn luôn phản lại mê-hoặc, tiêu diệt mê-hoặc.

Nhưng mê-hoặc với trí-giác chỉ là hai cái dụng của Tâm-tánh. Nên đồng là biết mà biết sai thì gọi là mê, biết đúng thì gọi là giác; ví như một cánh tay mà chỉ lên thì gọi là xuôi, còn chỉ xuống thì gọi là ngược, chứ không chỉ khác.

Bởi vậy nên trong Kinh nói bồ-đề là trí-giác của tất cả chúng-sinh sẵn có. Và khi nào chúng ta phát triển trí-giác ấy đến triệt-đề, hoàn toàn sáng suốt, tiêu trừ mê-hoặc không còn mây may nào nữa, thì khi ấy gọi là Vô-thượng-bồ-đề (trí-giác-tuyệt-đối).

Thế nào gọi là « Bồ-Đề-Tâm » ?

Như trên kia đã cắt nghĩa, chúng ta thấy: a) cái trí-giác (biết đúng) của Tâm gọi là bồ-đề, b) khi trí-giác ấy phát-triển đến giai đoạn hoàn toàn thì mới thật gọi là bồ-

đề, hay Vô-thượng-bồ-đề. Vậy bồ-đề-tâm là thế nào? Cắt nghĩa vẫn tất thì có 2 ý sau đây.

1) Cái tâm-chí, cái thế-nguyên cầu mong Vô-thượng-giác (vô-thượng bồ đề) thì gọi là bồ-đề-tâm;

2) Tâm-tánh chúng ta có Trí-giác (sự hiểu biết đúng đắn) nên gọi là bồ-đề-tâm.

Như lửa đặc-tánh là nóng, nước đặc-tánh là lỏng. Tâm cũng vậy, đặc-tánh của Tâm là bồ-đề (hiểu biết, nhận thức, phân biệt). Nhưng áp-dụng đặc-tánh ấy sai thì gọi là mê, mà áp-dụng đúng thì gọi là ngộ. Thành thử, cắt nghĩa cho rộng rãi thì chính vì Tâm có đặc-tánh «biết» (bồ-đề) nên gọi là bồ-đề-tâm, vì có cái đặc-tánh ấy nên mới có thể có cái năng-lực tự-giác phát triển Giác-tánh, và có cái chí-nguyên mong cầu Vô-thượng-giác: cái năng-lực ấy cái chí-nguyên ấy cũng gọi là bồ-đề-tâm.

Thế nào gọi là « Phát Bồ-Đề-Tâm » ?

Hiểu «bồ-đề» là gì, và thế nào gọi là «bồ-đề-tâm» rồi, thì bây giờ «phát bồ-đề-tâm» là thế nào, chúng ta có thể hiểu một cách rõ ràng lắm:

1) Chữ «phát» nghĩa là lập: lập cái chí-nguyên mong cầu Vô-thượng-bồ-đề, gọi là phát bồ-đề-tâm.

2) Chữ «phát» lại có nghĩa là phát-triển: phát-triển cái đặc-tánh giác-ngộ của Tâm, gọi là phát bồ-đề-tâm

Bởi vậy, sự tu-hành là bắt đầu lập chí-nguyên rộng lớn, chí-nguyên trên mong cầu Trí-giác-tuyệt-đối dưới giáo hoá lợi ích cho tất cả các loài chúng-sinh, thì gọi là «phát bồ-đề-tâm». Phát chí-nguyên ấy rồi thì trung gian dùng ba phương pháp nghe-học (văn) suy-nghiệm (tu) và thiết-hành (tu) mà phát-triển đặc-tánh trí giác của Tâm, thì cũng gọi

là «phát bồ-đề-tâm». Đến cuối cùng, khi Trí-giác hoàn toàn sáng suốt, như đài gương lớn hết bụi bặm, chiếu soi sự vật một cách rõ ràng, nói tóm tắt, nghĩa là đã được Vô-thượng bồ-đề, thì đó mới là phát Bồ-đề-tâm một cách cứu cánh.

Ấy vậy, tự thi chí chung của con đường Tu-Hành chỉ là PHÁT BỒ-ĐỀ-TÂM.

Làm thế nào có thể Phát Bồ-Đề-Tâm?

Những điều kiện làm cho Bồ-đề-tâm được phát ra có hai phần: một, những điều kiện ở trong gọi là NHÂN, hai, những điều ở ngoài giúp thêm gọi là DUYÊN.

«Duyên» ở ngoài là nhờ sự giáo hoá điều-phục của các vị Thiện-tri-thức, các đức Phật, các vị Bồ-tát, hoặc nhờ Thánh-giáo kích-thích, hoặc nhờ suy-nghĩ đề ý đến những nỗi khổ của chúng-sinh. Nói chung là tất cả mọi điều kiện hoặc thuận hoặc trái mà có thể làm cho Bồ-đề-tâm phát ra được thì đều gọi là «duyên» cả.

«Nhân» là cái năng-lực ở trong, tức là lòng đại-bi thương giúp chúng-sinh, là cái tư-giác giác ngộ quán sát. Nói tổng quát, thì NHÂN của Bồ-đề-tâm tức là vô-lậu-chủng-tử vậy.

Phát Bồ-đề-tâm, dù về mặt mong cầu Vô-thượng-giác, dù về mặt phát triển trí-giác của Tâm, mặt nào cũng phải do có vô-lậu-chủng-tử ở trong được kích thích bởi các duyên-thù-tắc ở ngoài mới phát ra được. Trong Phật-giáo không một cái gì, dù là cái Tâm-bồ-đề vô-thượng đi nữa, mà không do nhân-duyên phát hiện; nói

«tự-nhiên» có, là một điều những người Phật-tử không thể thừa nhận được.

* * *

Bước đầu của người tu-hành là phát Bồ-đề-tâm bằng cách lập chí-nguyện mong-cầu Vô-thượng-giác, nghĩa là trên cầu Trí-giác dưới độ chúng-sinh. Cái nhân của sự phát Bồ-đề-tâm ấy là lòng từ-bi nghĩ đến cái khổ của muôn loài và sự hy-vọng đối với Trí-giác của chư Phật, cái duyên của sự phát Bồ-đề-tâm ấy là văn tư tu Chánh-pháp.

Kinh HOA NGHIÊM có nói: «Quên mất Tâm-bồ-đề mà thiệt hành các điều lành thì đó là ma-nghiệp». Xem đó chúng ta thấy nếu không dùng duyên như vậy kích thích nhân như vậy để lập cái chí-nguyện cao cả, cái chí mong cầu Vô-thượng-biến-giác, thì bao nhiêu việc làm của chúng ta chỉ như xây lâu đài trên hư-không: «việc không thể có được», đó là lời Phật dạy trong Kinh DUY MA.

CHỮ TU TRONG ĐẠO PHẬT

THÍCH-THIỆN-SIÊU

Chắc ai cũng hiểu rằng, từ khi mới lọt lòng ra cho đến khi hơi thở cuối cùng, trong đời người chẳng hưởng được mấy lần vui. Con vui vừa thoáng qua con buồn đã kéo đến. Đã đành sanh, già, đau, chết là 4 cái đại hoạn, không ai tránh khỏi, mà những nỗi đói nghèo, áp bức, oán thù gặp gỡ, ân-ái xa lìa, hoàn cảnh lôi kéo cũng đủ làm cho chúng sanh đau khổ vô cùng. Nước mắt chảy ra ngập tràn cả đại thiên thế giới, mà vẫn còn dâng lên mãi nếu lòng tham lam dục vọng, nơi mỗi cá nhân cũng như toàn thể, không được vui đập phần nào, hành vi xấu xa độc ác, ích kỷ hại người không dừng san bằng tiêu diệt do lòng từ-bi rộng lớn biết nghĩ đến mình đến người theo công lý và chính đạo. Chúng ta chỉ ngó ngay vào cảnh tượng ngày nay cùng thấy rõ đó là biển nước mắt đau thương bởi con cuốn vọng của loài người gây tạo. Thế nên chúng ta tin chắc rằng tất cả đau khổ chỉ có một con đường ra là mọi người biết nhìn nhau bằng cặp mắt Từ-bi, hay nói một cách khác là mọi người biết Tu theo đạo chính đáng giác-ngộ.

Xưa nay các bậc Thánh nhân, các vị đã giác-ngộ như chư Phật, Bồ-tát không vị nào mà không trả qua con đường ấy; cho đến khi dạy người dạy đời cũng chú trọng ở điều đó. Vậy bất luận người nào ở trong xã hội cũng cần lấy Tu làm gốc, nếu không thì tự mình đã hư hỏng, mình đã làm tổn hại cho mình, thì mong giúp ích cho ai nữa!

Đời còn như thế, hưởng chi đạo Phật, một đạo chú trọng mục đích tự-giác giác tha, tự lợi lợi tha hơn cả mà lại không quan tâm đến sự Tu sao được. Phật dạy trong kinh Lăng-Nghiêm rằng: « Như tuy lịch kiếp, ưc tri Như-lai bí mật diệu nghiêm, bất như nhất nhật tu vô lậu nghiệp ». Đại ý nói tuy nhiều kiếp học rộng nghe nhiều nhớ hết tất cả pháp môn của hàng sa chú Phật chỉ dạy, chẳng bằng một ngày chuyên tu nghiệp vô-lậu xuất-thế. Ấy là lời Phật quả Ngài A-NAN mà cũng là quả cái tai hại không tu của chúng ta vậy. Nếu chỉ học mà không tu thì khác nào như người thuộc lòng tấm bản đồ rồi ngồi lý một chỗ, chẳng đến đâu được cả.

Thế thì biết Tu là một điều cần yếu. Nhưng hiện nay nhiều người trong hàng Phật-tử chúng ta cũng như một số đông ở ngoài vẫn còn ôm mỗi nghi ngờ sai lạc: có người nghĩ rằng Tu là một việc làm quá khó, phải xa gia-đình, xã-hội để ép mình trong một khuôn khổ hẹp hòi, bít mắt bưng tai trước mọi hoàn cảnh, vứt bỏ bao nhiêu ước mong khoái lạc mà tu hành ủy-mì hằng ngày nghĩ tưởng đến việc gì xa xăm huyền ảo, ỷ lại thần quyền để cầu mong tương lai trường sanh, bất tử hay hưởng quả phúc đời đời... Tu như vậy phỏng có ích lợi gì cho ai? giả sử tu như vậy mà thành thánh, thành thần, hưởng quả phúc thì lỗi tu ấy cũng chỉ thích hợp với hạng người thiếu nghị lực, hạng ông lão bà già!

Hạng người thứ hai thì trái lại, họ nghĩ rằng tu là một việc rất hay, là nền tảng cho nhân tâm thuần hậu, cho hòa bình an-lạc, vững bền, song khi nào hòa bình đã lan khắp, sanh hoạt được dễ dàng mới có thì giờ nghĩ đến việc

tu dưỡng, chứ nhằm lúc đao binh loạn-lạc đời khó tung hoành, chính là lúc phải ra sức dẹp loạn an dân, nỗ lực làm lụng để vãn hồi no ấm, đợi bao giờ tâm thần ổn-định mới lo đến chuyện Tu.

Những điều nghi hoặc đối với sự Tu vẫn còn nhiều nữa, song tóm lại cũng không ngoài hai điều vừa kể trên đó. Cũng vì nghi như vậy mà bây giờ hãy nghe nói đến chữ Tu thì người ta đã tưởng tượng ngay một hình dáng yếu hèn, một việc làm quái dị lạc hậu, không phải thời.

Xét kỹ thì hai lối nghĩ tưởng đó nhiều phần không đúng song không sai mấy đối với hạng người mệnh danh là tu mà kỳ thật áp dụng lắm điều không chính đáng! Nếu bây giờ muốn bỏ cứu những khuyết điểm trên đây để đem lại nhiều lợi ích thiết thiết cho khối phụ lòng tin Phật của chúng ta, thì tưởng cũng nên cùng nhau hiểu rõ chữ Tu trong đạo Phật, trước để tránh khỏi cái nạn xưng càng một khi mình không tu chỉ cả, sau để khỏi bị e ngại bởi những lời mỉa mai nồng nặc có thể làm trở ngại bước đường tu-tập chính đáng của chúng ta.

Lẽ dĩ nhiên là ở đây chúng ta chỉ hiểu chữ Tu trong đạo Phật, chứ ngoài lối tu của đạo Phật ra trên xã-hội này còn bao nhiêu lối tu khác, mà tiếc vì phạm-vi bài này không cho phép chúng tôi đem ra bàn cãi, chỉ có thể nói đại khái rằng các lối tu ấy đều chưa diệt tận nguồn gốc thống khổ, nên chưa phải là phương pháp đưa người đến chỗ Giải-thoát an-vui trọn vẹn.

Thế nào là nghĩa chữ Tu trong đạo Phật? Như muốn định nghĩa một cách tóm tắt thì Tu nghĩa là sửa. Xấu xa sửa lại cho tốt đẹp, tà vạy sửa lại cho chính đáng, độc-ác sửa lại cho hiền lành, mê mờ sửa lại cho sáng suốt... Như người ta thường nói ngọc có đổi mài mới thành đồ

hữu dụng, người có học tập mới trở nên người hay, ấy đều là cắt nghĩa chữ Tu vậy.

Có nhiều người hay nói: «Phật tức Tâm, Tâm tức Phật, tôi chỉ tu cái Tâm cũng đủ.» Mới nghe qua in tưởng như phải, mà xét kỹ thì đó chỉ là câu nói bướng bỉnh để chối từ việc tu hành mà thôi. Nếu thử hỏi lại tâm vì sao phải tu và tu bằng cách thế nào? thì ít trả lời được. Thậm chí có người khi đã biết đạo cũng như khi chưa biết đạo, cứ giữ nguyên tánh xấu-xa cố cựu, không chút gì đổi mới hay ho!

Đã đành rằng «Tâm tức Phật» nhưng hiện nay còn làm chúng sinh thì quyết chắc tâm của ta còn mê lầm, vọng tưởng, ích-kỹ, biếng lười, chưa được như tâm Phật: sáng suốt, chân thật, rộng rãi, từ-bi. Đứng về phương diện lý tánh bình-đẳng thì tâm ta không khác chi tâm Phật, mà đứng về phương diện sự tướng sai biệt thì ta và Phật hai đàng mê, ngộ, khổ, vui khác nhau như trời và vực, không thể nói suông mà có thể mong được giải thoát. Trái lại cần phải thành thật cố gắng kiểm điểm lại mình, nghiệm xét nơi mình để thấy rõ cái gì xấu xa, cái gì tà vạy, cái gì độc ác, cái gì mê lầm mà lần lần sửa đổi tu-hành cho đến khi hoàn toàn viên mãn. Trong lúc tu hành ấy hề sửa được bao nhiêu điều hư quấy, tức là diệt được bấy nhiêu nguyên nhân thống khổ. Sự khổ sẽ nói dần ra mà sự an vui lần hồi phát hiện, bao giờ hoàn toàn thanh tịnh ấy là chứng đủ 4 đức thường, lạc, ngã, tịnh, không bị điều chi làm hệ lụy. Cho nên kinh có câu «nhược năng chuyển vật, tức đồng Như-lai». Như-lai hay Phật là vị đã chuyển được mọi vật, bề trong không bị tánh tình ô nhiễm làm mờ tối, và bề ngoài không bị hoàn cảnh sắc, thanh, danh, lợi quyền rũ chỉ phối. Tự mình làm chủ mình, làm chủ hoàn cảnh.

Nếu bây giờ chúng ta muốn đăng an vui, thì phải tự chủ, mà muốn đăng tự chủ thì cần nương theo Phật-pháp để sửa đổi hành vi, tánh tình, quan niệm hẹp hòi sai lạc đã lâu đời lâu kiếp bám chắc nơi chúng ta.

Sửa đổi hành vi tức là sửa đổi những điều độc-ác, của hành động và lời miệng. Thân thường hay sát hại trộm cắp, dâm ô, miệng thường hay nói dối, dèm pha, nịnh bót v.v... ấy là hành vi có hại mà ít ai tránh khỏi, Nếu chúng nó được bồi đắp, lan rộng ra hoài thì nhân loại chúng sanh càng bị xô mau đến chỗ tiêu diệt. Hãy xem như một nghiệp sát, mấy năm lại đây không nơi nào là không do nghiệp sát gieo họa góm ghê, làm cho sự Sống, một điều mật thiết quang-trọng hơn cả của mọi vật, không còn chút gì bảo đảm. Đã bao giờ như ngày nay, toàn nhân loại chỉ sống trong hồi hộp lo âu, nơm nớp sợ hãi khi thấy mạng mình nhẹ hơn cát bụi bên vệ đường, không phút nào yên tâm với bàn tay tàn nhẫn của sát nghiệp đang hung hăng chực chờ dọa nạt. Vậy là chưa kể đến tai nạn các hành vi trộm cướp, nói dối v.v... cũng gieo họa góm ghê không kém.

Nếu ai nấy cũng nhận chân sâu sắc, các hành vi ác độc kể trên là nguyên nhân trực tiếp gây ra đau khổ giữa người và mình — vì gieo nhân sát hại thì hoặc cách này hay cách khác cũng phải gặt lấy kết quả bị sát hại — để sửa đổi, tu hành diệt trừ dần đi mới mong có ngày sống đăng an-toàn trong hòa vui thân mật được.

Đã sửa đổi hành-vi cũng phải sửa đổi tánh-tình, và tánh tình xấu xa mới thật nguy hại nhiều hơn. Tham-lam, sân-nghen, si-mê, kiên-mạng, nghi-ngờ là những tâm tánh xấu xa cố cựu của chúng sanh.

Vân biết đã có thân thì ai lại không tham muôn sống còn, nhưng lắm người vì chất chứa lòng tham vô đề, điều chi hay ho đều muốn thâu góp về phần mình, chỉ muốn đời sống của mình được vinh vang sung-sướng, đầy-dủ, qui-trọng hơn cả thấy mọi người, nên dù việc gì đề hèn hay độc ác mà hề đưa lại lợi-lộc về mình thì không bao giờ từ chối, mặc ai thiếu thốn, khổ não, kêu la, cũng không hề đoái nghĩ! Thậm chí xem tiền tài, danh vọng, hơn trăm, ngàn, ức, triệu tánh mạng sanh linh đồng loại chỉ vì tham chút lợi danh mà làm cho đời sống nhân loại ngày nay bị điều đứng tan-tành.

Niệm tham lam vô hình mà tai hại không phải ít, ở trong gia-dinh có một kẻ tham — tham ăn chẳng hạn, — thì sự sống của gia-dinh mất hòa thuận, đến giữa xã-hội hề lòng tham này nở mạnh-mẽ ở đâu thì ở đấy không sao tránh khỏi cạnh tranh xô xát thậm mực thương tâm vì đã tham thì tất nhiên có sân, đã sân thì tất nhiên tranh giành xâu xé...

Than ôi, một tánh tham đã làm cho ai nấy cháy ruột nung gan, huống còn thêm bao nhiêu tánh xấu xa khác nữa.

Song muốn sửa đổi tâm tánh xấu-xa một cách dễ dàng đến tận gốc thì đồng thời phải sửa đổi quan niệm hẹp hòi ích kỷ.

Tất cả sự vật đều sanh sanh, hóa hóa trên một bản thể chung cùng hòa hợp, không có sự vật nào được tồn tại ra ngoài bản thể chung cùng ấy. Chính chúng ta cũng phải nhờ sự liên quan hỗ trợ của tất cả mà có ra. Vậy mà chúng sanh mê mờ, tự phân biệt, tưởng tượng chấp riêng một cái Ta, xây ranh giới mà chắn ngang giữa mình và mọi người mọi vật, luôn luôn đặt cái Ta ra trước, lên trên, lấy cái Ta làm định chuẩn cho mọi hành động, nói năng, suy nghĩ. Bởi vậy nên thường bị hẹp hòi, sai lầm, khổ sở.

Suy rộng ra nào vinh nào nhục, nào thị nào phi không có gì là tuyệt đối. Cái vinh của người này tức cái nhục của người kia, cái vinh của người kia tức là cái nhục của người này. Ở đời cũng lắm chuyện để cho ta thấy rõ trường đời là nơi đấu tranh nhỏ hẹp ở trong sự phê phán xây dựng của cái Ta hẹp hòi giả dối. Vậy cần phải mở mang trí-huệ thật rộng rãi, phá lãn quan niệm sai lầm chấp có bản ngã mới thấy đời rất rộng rãi để khoan hòa đối với mọi loài, mọi vật.

Về trên đó là sửa đổi hành vi hung-ác sửa đổi tánh tình xấu-xa, sửa đổi quan niệm chấp có cái Ta hẹp hòi, ấy là nói về ngăn ngừa cái xấu, diệt trừ cái xấu, đừng để cho nó đâm chồi mọc nhánh ra hoài. Tu như vậy có thể cho là lối tu tiêu-cực, trái lại tích cực hơn là phát huy cái tốt, khoáng trương cái tốt làm cho cái tốt càng ngày càng rộng rãi lớn lao.

Hiện tiền nơi chúng ta không những có rất nhiều điều tà vạy ô nhiễm, mà cũng có rất nhiều điều hay, cần nên bồi đắp tu dưỡng; như bố thí, nhẫn nại, khoan hoà, sáng suốt, bình-đẳng, xét ra chẳng ai không có, nếu biết cố gắng vun bồi thì không việc lợi ích gì mà chúng ta không làm được.

Tóm lại hai phương biện tu hành trên đó, một đảng lo diệt trừ cái tánh hại người hại mình, một đảng lo phát huy cái tánh lợi mình lợi người. Đã nhận thấy lòng tham lam có hại mà lo diệt bớt lòng tham là tu, diệt trừ lòng giận là tu, diệt trừ lòng kiêu mạn, ích-kỷ là tu. Trái lại nhận thấy bố-thí là hay, chăm làm bố-thí là tu, từ-bi cứu-vật là tu, khoan hoà rộng rãi là tu. Cho đến bất luận hành động gì tốt đẹp, có nhiều lợi ích cho người mà cố gắng quên mình để thật hành theo cũng đều gọi là Tu cả.

Tu như vậy đâu có phải hẹp hòi hay nhu nhược, tự như vậy đâu phải là việc riêng của một nhóm người nào hay của một thời đại nào. Chỉ vì có nhiều người chưa hiểu chữ Tu có một phạm vi rộng-rãi đó, nên tưởng rằng Tu là việc chuyên môn của hạng tu-sĩ, của kẻ chán đời, ẩn-dật, hay của hạng môn đồ đạo này hoặc đạo khác mà thôi, ngoài ra không liên quan với đại đa số người còn đang lằng lóc, chống chọi, hoạt động sống với đời sống không xa thật tế hơn. Ôi, đâu biết rằng cái quan niệm sai lầm ấy không khác nào cái quan niệm của mấy người tưởng phép vệ sanh là phạm vi chuyên môn của mấy ông thầy thuốc, hay của mấy người đã mắc bệnh truyền nhiễm.

Đành rằng phương diện điều trị thân xác có nhiều điều góc ngách khó khăn mà mấy ông thầy thuốc phải gia công tìm cứu, phải cần cho mình một hoàn cảnh sạch-sẽ hợp vệ-sanh hơn, nhưng trong hạng người không phải là thầy thuốc mà không cần biết vệ-sanh, tự do ăn nhóp ở nhúa thì không chỉ tai hại cho mình, còn lây sang mọi người xung-quanh, khiến họ phải sống chung trong một cảnh ngộ nguy hiểm.

Phương diện trị thân xác đã vậy, thì phương diện cải tạo tinh-thần không kém chi. Muốn diệt hết bao nhiêu tâm niệm xấu-xa còn lại, và phát huy tất cả tâm niệm tốt đẹp rộng rãi thêm lên lại càng rất khó, nếu không phải là người có quyết-tâm với mục đích ấy, nếu không có một hoàn-cảnh thuận tiện cho sự tu-hành thì khó mong kết quả hoàn-toàn. Bởi vậy, trong đạo Phật, các vị Tăng-già, các hàng tu-sĩ phải xuất-gia để bớt ngoại duyên phiền nhiễu, phải ở nơi nhàn-tịch mới thấy rõ nguồn

gốc xấu xa của tội lỗi mà gột rửa tiêu trừ. Nhưng nên hiểu thêm rằng không phải là chỉ mấy vị ấy mới tu đặng, mấy vị ấy mới cần tu, mà tất cả các hạng người ở vào địa vị nào trong thời loạn cũng như thời bình, đều có thể tu, đều cần nên tu cả, nếu không tu tức là tự-do để cho thói tham lam, bóc lột, ích-kỷ hại người đứng lên làm chủ, gây tai ương không bờ không bến.

Vậy ta có nên xem chuyện Tu là việc ngoài phận sự của mình không? ta có thể không nhận rõ nghĩa chữ Tu đặng không? Hãy nên nhận chân cho rõ, xem đó là một phương châm của đời sống ngay-thật mà không phải trao đũa cho ai cả, chỉ tự mình gắng thật hành lấy và khuyên lơn người khác biết mà thật-hành, để cùng nhau gây nên một cảnh sống yên vui bền vững, tạo cảnh Cực Lạc giữa Ta-Bà này. Nếu được như vậy tức là đã hiểu và đã thật-hành đúng nghĩa chữ Tu trong đạo Phật.



PHÊ BÌNH

Phật Giáo có những khuyết diểm ấy không ?

(tiếp theo và hết)

HÙNG-KHANH

Bây giờ chúng ta đến đoạn tác-giả phê bình Phật giáo đối với phụ nữ. Ông POTTER bảo: « *Phật THÍCH-CA xem nữ-giới như một giới thấp kém hẳn* ».

Muốn xét rõ điều này, chúng ta đặt vấn đề vào đúng trong giai đoạn đức Phật còn tại thế ở Ấn-độ. Trong xã-hội bấy giờ, người đàn-bà Ấn-độ là một sinh vật phụ thuộc bên cạnh người đàn ông. Ở Trung-hoa, người đàn bà tuy bị kiềm thúc trói buộc trong phong tục lễ-nghi khắc-khối, nhưng đối với người đàn-bà Ấn-độ còn khá quan hơn nhiều. Trong xứ ma nhật Bôn-sư đã ra đời, mỗi người đàn ông có thể có vài chục người đàn bà hầu hạ, mà chủ nhân ông có quyền tác oai tác phúc như một vị chúa tể thời phong kiến đối với lệ dân. Người đàn bà bị đặt trong một địa vị thấp kém như thế, nên sự sinh con gái thường bị hắt hủi một cách đáng thương: người cha ít khi đem xỉa đến con gái mình, nên người mẹ cũng không dám đường hoàng săn sóc con mà chỉ lẩn lút nuôi nó trong góc phòng, xó bếp mà thôi. Người con gái lớn lên cũng không được học hành, không được gần những nơi lễ bái; suốt ngày chỉ biết quanh quẩn bên cạnh loài gia-súc, và mỗi lúc ra đường lại phải lúp mặt bịt mày có người đi theo chân giữ như những kẻ tù nhân bị giam lỏng. Đến khi chồng chết, trong lễ hỏa táng người vợ muốn giữ tiếng tiết nghĩa cũng phải hỏa táng theo người chồng. Nếu không sẽ bị khinh bỉ.

Đời sống của người dân bà Ấn-độ như thế, tất nhiên là không sao có thể phát triển được về phần trí-thức và tình-cảm. Sự bất-bình đẳng xã-hội ấy tạo ra sự chênh-lệch quá rõ ràng về khả-năng, lý-trí và ý-chí giữa hai phái nam-nữ. Nếu trong tình-trạng ấy mà giải-phóng ngay cho người dân bà, đặt họ ngang hàng với dân ông, cho họ đủ quyền hành như phái mạnh thì thật cũng nguy hiểm chẳng kém gì giam-hãm họ như trước. Vì quen sống trong sự phụ-thuộc, họ sẽ ngớ-ngác trước sự tự-chủ, họ sẽ rất vụng-về, lúng-túng trong lúc xử-dụng quyền hành của họ, chẳng khác gì giao cho đứa trẻ một lưỡi dao quá sắc bén.

Đức Phật THÍCH-CA cũng hiểu như thế nên không chủ-trương giải-phóng hoàn toàn cho họ, nhưng Ngài cũng đã nâng cao mực sông thấp thối của họ lên nhiều lắm. Ngài nhận cho dân bà cũng được phép tu-hành, lập cho họ những tu-viện để họ cùng nhau tu học; trong phái tăng-ni này cũng có nhiều bà được chứng-quả rất cao. Còn trong đạo gia-đình Ngài cũng chế ra những cách cư-xử giữa chồng và vợ, xem ra không có gì gọi là chênh-lệch cả, hay bắt buộc người dân bà phải sống trong một hoàn-cảnh «thấp kém hẩm» như ông POTTER đã nói.

Chúng ta đến đoạn cuối cùng những lời phê-bình của ông POTTER.

Để chấm hết những câu nói trên của mình, ông POTTER kết-luận: «*Phật THÍCH CA không khuyến-khích nên tiến-bộ của xã-hội, và lịch-sử chứng-minh điều đó*».

Lịch-sử nào đã chứng-minh như thế? Sự xuất-hiện của Phật-giáo trên cõi Ta-bà này là một tiến-bộ lớn lao chưa từng thấy trong nhơn-loại, về phương-diện lý-trí cũng như về tình-cảm. Ngài đã đem lại cho nhân-loại một trí-tuệ

rực-rờ như ánh dương quang, một tình thương rộng-rãi như bể cả, hai cái kho báu ấy là gia tài quý hóa nhất của loài người, vì bao nhiêu sự tiến bộ khác đều phải dựa lên trên hai căn bản ấy.

Nếu một nền văn-minh tiến-bộ nào không lấy đó làm căn bản, thì nền văn-minh tiến-bộ ấy chỉ có danh mà không thực, hay chỉ là một thứ văn-minh phiến diện, thiếu thốn, không phải là văn-minh chân-chính của con người.

Đưa lên hai căn bản trí-tuệ và từ-bi, Phật lại dạy tín đồ phải học Ngũ-minh để làm lợi lạc cho xã-hội, nhân-quần một cách thiết thực. Với ngũ-minh, sự tiến-bộ có thể thực hiện dễ dàng đầy-dủ, chắc chắn, chứ không bấp-bênh, may rủi như phần nhiều những sự tiến-bộ khác thuần lý trí hay đặc vật chất. Ngũ-minh là :

1) *Nhân-minh* : môn học về cách suy luận, biện luận để tìm chân lý.

2) *Thanh-minh* : môn học về sinh ngữ để các dân tộc có thể hiểu nhau.

3) *Nội-minh* : môn học về giáo lý ;

4) *Công-xảo-minh* : môn học về kỹ-thuật trong các nghề cho được tinh-xảo.

5) *Y-phương-minh* : Y học để cứu người đau ốm tật nguyền.

Xét những điều Phật-THÍCH-CA khuyên các tín đồ phải biết ấy chúng ta thấy rằng Ngài cũng chú tâm đến nền tiểu-bộ chân-chính của xã-hội lắm lắm.

Và lịch-sự đã chứng minh điều đó. Trong các thời đại xưa, hề mỗi lần đầu Phật-giáo được thịnh-hành, thì ở đấy xã-hội rất được phồn-thịnh : ở Ấn-độ thời vua A-DỤC. ở Trung-hoa đời LƯƠNG-VỎ-ĐẾ, ở Việt-Nam đời LÝ, đời TRẦN...

Càng nghĩ đến những điều trên chúng tôi lại càng ngạc nhiên cho sự táo bạo của nhà khảo cứu POTTER khi ông bảo rằng lịch-sử đã chứng minh sự không chủ-trương tiến-bộ của Đức Phật-THÍCH-CA.

Ông POTTER thật đáng liệt vào hạng khảo-cứu gia mà bạn HUYỀN CHÂN đã kết án trong quyển *ĐẠO-PHẬT* mà chúng tôi xin trích đăng để kết luận bài phê-bình này :

«... Người ta thường có thành kiến sai lầm, vô lý rằng đạo Phật là chán đời, thụ-dộng, là một đạo núp bóng dưới của chùa chiền tăng xá ; là đạo dành riêng cho một số ít người đầu trục, áo thâm. Trong thành kiến sai lầm và vô lý kia, các học giả Tây phương phải chịu một trách nhiệm lớn. Với một cuộc du-lịch qua Ấn-độ, cùng vài ba bó tài liệu góp nhặt đó đây, họ đã viết về Đạo Phật như viết tiểu-thuyết và chúng tôi đã phải buồn cười, khi đọc những quyển sách giàu tưởng tượng và thiếu thực thà của họ. Từ lâu, chúng ta vẫn mù quáng đi theo họ đề bài xích Đạo Phật là eo hẹp, ru ngủ và chán đời... » chúng ta đã làm một việc vô ý thức !

Thật có như vậy !

VU - LAN - BỒN

...Tháng bảy ngày Rằm xá tội vong nhân,

(Ca dao)

Trăm, hương côi-kính lòng tâm niệm,
Hiếu nghĩa nghìn xưa nền rọi vàng,
Chú-nguyên mười phương trời đất đầy,
Chuông Hồng ba cõi báo Vu-Lan !

Tự-Tứ, ngày thanh lòng chiếu ngọc !
Kiền-Liên kinh nhắc mắt dằng bằng :
Cống-năng giải-thoát người sa đọa,
Lớp lớp khắp hàng Đại-Đức-Tăng !

Mấy đời cha mẹ, ơn dè nặng,
Một kiếp thân hài nợ vương thêm,
Thống-khổ buộc ràng, dây đời mở,
Ngục hờn ai đời sáng thay đêm :

Chuyển cho cảnh-giới phạm qua tịnh,
Đổi lấy cho người tội nên an,
Biến hết oán than thành hiếu hạnh,
Cung-dường, bổ-thi lấp tham tàn !

* * *

Đài-Sen nghi-ngút trăm, hương tỏa
Nghi-ngút lòng thành ý Vu-Lan !

TỔNG-ANH-NGHỊ
(Trích-tập Thơ Phật)

NHỮNG MẪU CHUYỆN DẠO

MINH-CHÁU phỏng thuật

Cứ mỗi độ VU LAN về, các hàng Phật-tử đều thành tâm hướng niệm đến các vị Tăng-già an-cư trong ba tháng hạ rảnh-rác khắp nơi trên quốc độ, và cung kính nghĩ đến ơn đức sanh thành dạy dỗ của cha mẹ tổ-tiên cùng khắp bảy đời. Dưới đây là một mẫu chuyện về lòng tưởng vọng Tam-Bảo và sự hiểu hạnh trong đạo Phật.

1.— Lòng ngưỡng mộ Phật Pháp của Vua A-Dục.

Vua A-Dục trước là người rất độc-ác, từ khi theo đạo Phật đổi thành người rất nhân từ. Hồi mới theo đạo, vì lòng cảm-mộ quá dồi-dào nên mỗi khi ngự ngoài đường, hề gặp vị Tỷ-kheo nào đi ngang qua, liền xuống kiệu khấu đầu lạy. Có vị Đại-Thần tên là DA TÁT lấy thế làm quá đáng bèn can ngăn vua rằng : « các Thầy Tỷ-Kheo kia chẳng qua là những người các cấp đi hành khất ngoài đường, không đáng tôn-trọng lắm ». Vua im lặng không trả lời. Cách vài ngày, vua truyền cho các quan văn võ, mỗi ông phải đem bán một đầu súc vật, và cho biết giá bán các đầu ấy như thế nào. Ông DA TÁT phải bán một đầu người. Các đầu súc-vật thời bán được với giá tiền sai khác hơn kém nhau, duy có đầu người của Ông DA TÁT bán thì không ai mua cả. Vua hỏi có sao Ông DA TÁT trả lời : « vì đầu người là vật hèn hạ, không có giá trị gì ». Vua lại hỏi « chỉ có một cái đầu này là hèn hạ hay tất cả đầu người là hèn hạ ? » Ông DA TÁT đáp : « tất cả đầu người đều hèn hạ ». Vua bèn hỏi : « vậy đầu Trẫm đây cũng hèn hạ sao ? » Ông DA TÁT sợ hãi

không dám nói, sau Vua bắt ép ông phải thú thật đầu Vua cũng hèn hạ. Vua bèn giảng cho ông DA TẮT nghe rằng: « Phải! Người muốn can ta đừng lạy các vị Sa-môn là nhà người có ý kiêu căng tự đắc. Nhưng cái đầu của Trẫm này là một vật hèn hạ không ai thêm mua, vì cúi xuống mà được thêm công-đức, thêm giá trị lên, thì phỏng có hại gì? Nhà người muốn chỉ-trích các thầy Sa-môn là người các cấp nghĩa là không sang trọng, nhưng nhà người không rõ uy-đức của các Thầy. Khi nào có đi ăn tiệc, ăn đám cưới thời mới nên hỏi đến giai-cấp người ta, chớ đi tu học đạo, phân biệt giai-cấp làm gì. Như người sang trọng danh-giá bị tội nặng thời ai cũng nói « người này là kẻ có tội » và ai cũng đem lòng khinh bỉ. Nếu con người hèn mà tu nhân tích đức thời ai cũng kính trọng, ai cũng cúi đầu». Vừa nói đến đây, bèn chỉ hấn vào mặt Ông DA TẮT mà nói lớn rằng: « nhà người há lại không biết câu sau này của đức Phật THÍCH-CÁ hay sao? Ngài dạy *« người có trí thời đầu vật không có giá trị cũng làm nên giá-trị »*. Ta muốn theo Phật, người lại can gián ta, ấy là bất trung. Đến thân ta nằm xuống đất như cây mía kia thời đầu muốn lạy, muốn đứng dậy, muốn cung kính cũng không sao được nữa, thời làm thế nào được công-đức. Vậy người nên để yên ta lạy các vị Sa-môn để kiếm chút phước-đức. Nếu có người dám tự nói: « ta là người đáng tôn trọng hơn cả », thời người ấy là người u mê nhút đời vậy. Nếu lấy huệ nhân của đức Phật mà xem xét thân thể, thời biết thân Ông Vua và thân người mọi cũng giống nhau, cũng là da, thịt, xương; khác nhau chỉ có cái phù-hoa trang sức bề ngoài. Nhưng cốt yếu ở đời là lòng đạo-đức, thời trong thân-thể người hèn hạ nhút ở đời cũng có được

chính cái ấy là người trí giả gặp đầu cũng phải cung kính phải vái lạy vậy.

(Trích trong truyện Vua A-Dục).

II.— Con Sur Tử trọng Pháp.

Đầu đời mạt pháp về thời đức Phật. TỖ-BÀ-THI, tại xứ Ba-La-Nại có một hòn núi tên Tiên-thánh-sơn. Trong núi thường có các vị Sa-môn Bích-chi-Phật tu hành. Thường thường có các loài cầm thú hay đến gần gũi để nghe thuyết pháp. Có một con sur-tử tên là Kiên-Thệ, lông ánh sắc vàng, sức mạnh địch trên 1.000 con. Mỗi khi rống lên thì chim bay phải rơi xuống, loài thú phải ẩn-núp sợ hãi. Một hôm sur-tử Kiên-Thệ gặp một vị Sa-môn BÍCH CHI PHẬT oai nghi thanh-tịnh, tâm sanh hoan hỷ, nên ngày thường đến gần cận nghe tụng kinh và thuyết pháp. Lúc bấy giờ có một người thợ săn thấy Sur-tử có lông vàng, nên muốn mưu giết, lột da dâng cho vua để lãnh thưởng. Người thợ săn nghĩ rằng: « con Sur-tử này là vua các loài thú, cung tên không thể hại, lưới bẫy không thể sập được chỉ có cách là giả-dạng vị Sa môn, chờ cho con Sur-tử nghe quen thò tay lấy tên độc mà bắn. Nói đoạn liền cạo đầu, mặc áo hình vị Sa-môn, vào núi ngồi dưới một gốc cây. Lúc ấy, con Sur-tử Kiên-Thệ thấy vị Sa-môn, liền vui mừng đến liếm chân quẩn quất một bên để nghe thuyết pháp. Người thợ săn dùng tên độc nhắm bắn. Con Sur tử bị trúng tên đau quá rống ngược lên, muốn nhảy tới vồ giết vị Sa-môn giả kia, nhưng lại nghĩ rằng: « người này đã mặc áo ca-sa là thứ biểu hiệu của các đức Phật hiền thánh trong 3 đời, nay ta sát hại thời không khó gì, nhưng tức là ta sát hại biểu tượng của các đức Phật ». Nghĩ vậy bèn nuốt giận chịu đau. Một lát sau thuốc độc ngấm dần, đau đớn quá, lại muốn nhảy tới vồ nát người thợ săn, nhưng lại nghĩ rằng: « nay ta vồ

giết thời không khó gì, nhưng ta sẽ bị các đức Phật quở trách, và làm người đời không thể phân biệt người lành kẻ ác. Người thợ săn độc ác âm mưu hại ta, nếu ta không nhân thì có khác gì người ấy. Người tự nhân sẽ được mọi người yêu kính, người không nhân-nhục sẽ bị mọi người oán ghét, phiền não sẽ tăng trưởng. Phiền não tăng trưởng thời sanh tử tăng trưởng, sanh tử tăng trưởng thời sẽ sanh vào các chỗ hiểm địa, sanh vào chỗ hiểm địa thời rời xa bạn lành, xa bạn lành thời không được nghe chánh pháp, không được nghe chánh-pháp thời mê mờ nghi loạn, mê mờ nghi loạn thời không được Vô thượng chánh đẳng-chánh giác. Vậy nên ta quyết không khởi ác tâm. Nghĩ vậy con sư-tử bèn nói bài kệ rằng:

**« Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,
Trọn đời không khởi khỏi ác tâm
Hại người mặc áo hoại sắc.
Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,
Trọn đời không khởi ác tâm
Đối với các bậc xuất gia. »**

Nói kệ bài xong liền ngã xuống chết. Người thợ săn cầm dao lột da đem về dâng vua. Nhưng khi vua nghe đầu đuôi câu chuyện, thấy rõ ác tâm của người thợ săn và rất cảm động trước lòng trọng Tam-Bảo của con sư-tử, bèn sai chém người thợ săn và đem xác con sư-tử làm lễ trà-tỳ xem như một vị sa-môn vậy.

Sư-tử Kiến-Thệ là tiền-thân đức Phật Thích-Ca.

*(Phỏng dịch trong Đại phương tiện
Phật Báo-ân Kinh).*

III. — Lòng hiếu của con chim Oanh-Vũ

Thủa xưa ở núi Tuyết-Sơn có một con chim oanh-vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín dâng cho cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ có vị điền chủ mới cấy lúa bên phát nguyện rằng: « Lúa tôi trồng đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng ». Chim oanh-vũ thấy vị điền-chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền-chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài trùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới, bắt được chim oanh-vũ. Chim oanh vũ thưa vị điền-chủ rằng: « Trước đây, ông có lòng tốt bố-thí, nên tôi mới dám lấy lúa của ông, sao nay lại đặt lưới, bắt tôi ». Người điền chủ hỏi: « Người lấy lúa làm gì? » Chim oanh-vũ đáp « Tôi có cha mẹ mù nên phải lấy lúa cúng dường ». Vị điền-chủ nói rằng: « Từ nay về sau, người cứ lấy lúa mà dùng, đừng e-ngại gì cả ». *Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là người.*

Chim oanh vũ là tiền-thân đức Phật THÍCH-CA, người điền chủ là tiền thân Ông XÁ-LỢI-PHẬT.

(Trích dịch Kinh Tập Bảo-tạng)

TIN TỨC HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

BAN TỔNG TRỊ SỰ. — Nhon có một vài Ban-viên trong Tổng-Trị-sự vì bận việc riêng xin từ chức, nên Tổng-Trị-Sự đã sắp đặt lại theo danh sách sau này :

<i>Chánh Hội Trưởng</i>	:	Đạo-hữu	LÊ-VĂN-ĐÌNH
<i>Phó Hội Trưởng</i>	:	—	HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG
<i>Phó Hội Trưởng</i>	:	—	TÔN-THẤT-TÙNG
<i>Cố vấn kiêm Thư ký</i>	:	—	PHAN-VĂN-PHÚC
<i>Phó Thư ký</i>	:	—	TRẦN-THỪA
<i>Chương quy</i>	:	—	BỮU-BÁC
<i>Phó Chương quy</i>	:	—	NGUYỄN-TRỌNG-ĐĂNG
<i>Kiểm sát</i>	:	—	HOÀNG-HỮU-KHÁC
«			HOÀNG-UYỀN
«			DƯƠNG-QUANG-HỨA.

BAN CÙNG DƯỜNG GIẢNG SỰ CỦA HỘI. — Vừa rồi Tổng-Trị-Sự đã thành lập một Ban CÙNG DƯỜNG quý Thầy Giảng-sự của Hội gồm có :

<i>Trưởng Ban</i>	:	Đạo-hữu	HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG
<i>Thư ký</i>	:	—	TRẦN-THỪA
<i>Chương quy</i>	:	—	NGUYỄN-TRỌNG-ĐĂNG
<i>Ban viên</i>	:	—	TÔN-THẤT-TÙNG
	:		HOÀNG-HỮU-KHÁC
	:		BỮU-BÁC.

Ban này đã bắt đầu làm việc.

BAN TỔNG PHÁT HÀNH PHẬT HỌC TỪNG THƯ. — Tổng-Trị-Sự đã thành lập một ban đề chuyên coi phát hành kinh sách do HỘI VIỆT NAM PHẬT HỌC xuất bản gồm có :

<i>Trưởng Ban</i>	:	Đạo-hữu	NGUYỄN-TRỌNG-ĐĂNG
<i>Ban viên</i>	:	—	TRẦN-THỪA.

Ban này chuyên trách trông coi và giao dịch về việc phát hành Văn-Hóa của Hội, nhưng không giữ tiền bạc (tiền bạc do Đạo-hữu Chưởng-quy Tổng-trị-sự nhận giữ) Yêu cầu các Tỉnh-hội từ nay trở đi, bất cứ ngân phiếu gì, gửi về Tổng-hội xin đề : **CHÁNH-HỘI TRƯỞNG TỔNG-TRỊ SỰ HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HOC**, đừng đề tên, đề cho Ông Thủ-quy nhận lãnh đề dàng, vì Ông này có giấy ủy-quyền của Chánh-Hội-Trưởng nhận lãnh những ngân phiếu các nơi gửi về cho Hội. Nhưng xin lưu ý về việc thỉnh kinh sách thì viết riêng một thứ đề Văn-Phòng Tổng-Trị Sự chuyên giao lại cho ban Phát-hành Văn-Hóa cho tiện công việc.

THƯ TÍN. — Tháng 6 Dương-lịch vừa rồi, Tổng-Trị-Sự đã tiếp thư Hội Phật-Học Ba-Lê (Paris) gửi thăm và đã gửi các sách báo (*Pensée Bouddhique. Dharma du Bouddha v.v...*) Tên sách và giá sách sẽ trích đăng kỳ sau.

GIỚI-THIỆU SÁCH. — Luận « **ĐẠI THỪA KHỞI TÍN** » do thầy Giảng-sư **TRÍ QUANG** giải dịch đã thành, Tổng-Trị-Sự đã xuất-bản trong dịp lễ **VU-LAN**, mỗi bộ là 110 trang, khổ giấy là 16 x 22, ấn phí 12\$.00.

Bộ Luận này rất lợi ích cho những người muốn hiểu đạo-lý, xin giới thiệu cùng đọc giả nên đón thỉnh để làm tài liệu nghiên cứu.

TÍN TỨC CÁC TỈNH HỘI

TỈNH-HỘI THỪA-THIỆN. — Ngay sau khi hồi-cư Tỉnh-Hội Thừa-Thiên đã chỉnh đốn công việc Phật-sự lại rất chu đáo và cho đến ngày nay ngoài công việc của các Tiểu-ban Nghi-lễ, Trương-tể, Tài chánh, Trần-thiết do Tỉnh-Hội ấy tổ chức, các Tiểu ban sau đây tiến hành với nhiều kết quả tốt đẹp :

BAN ĐIỀN-GIẢNG : Nhờ có Thầy Pháp-sư ĐÓN-HẬU và quý Thầy-Giảng sư của Hội, đã tổ chức các buổi thuyết pháp, hoặc tại Hội-quán của Hội hoặc đi giảng gần khắp 100 khuôn Tịnh-Độ trong Tỉnh.

BAN CỨU TẾ : Ngoài các việc có tánh cách từ thiện, đã đảm đương việc hộ-niệm và mai táng các bệnh nhân từ-trần vô thừa nhận tại bệnh-viện Huệ. Có mở một nghĩa-địa riêng, có sổ sách ghi chép tên, tuổi, quê quán, chỉ rõ phần mộ theo thứ tự ngày tháng để sau này các thân nhân có thể tìm nhận được.

BAN PHÁT HÀNH VĂN-HÓA. = Sau khi được phép của Tổng-Trị-Sự, đã phát hành 2 lần quyển NGHI-THỨC TỤNG NIỆM, PHẬT-GIAO SƠ-HỌC, PHẬT-GIAO VĂN-TẬP số 1, 2, 3, và 4, các bản nhạc Phật giáo và ấn tượng tượng Đức Quán Thế-Âm.

BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT HÓA-PHỔ : Với mục đích đào tạo con em trong gia-đình thành những Phật tử chân chính và xây hạnh phúc gia đình trên nền tảng luân lý Phật-giáo, Tỉnh-Hội đã được Tổng-Trị Sự duyệt-y nghị-định thành lập Ban Hướng-Dẫn G.Đ.P.H.P. Thừa-Thiên, thành lập được các Gia-Đình Hướng-Thiên, Chơn-Tri, Gia-Thiện, An-Thiện và đã tổ chức các Gia-Đình Phú-Bình Dương-Biền. Vào đầu năm nay đã làm lễ trao dấu-hiệu cho các cấp Đoàn-trưởng, Huỳnh-trưởng, trong các Gia-Đình trong lễ Đệ-Thất chu niên của Đoàn Phật Học Đức-Dục. Ngoài sự trình bày công việc của G.Đ.P.H.P. trong Phật-Giáo Văn Tập số 4 ; đã làm và đang tiếp tục làm các công việc từ-thiện như tham gia các cuộc bố thí phát chẩn của Tỉnh-Hội Thừa-Thiên, may áo quần, góp quà bánh chia phát cho các trẻ em nghèo khó trong các kỳ lễ Trung Thu.

TỈNH HỘI LÂM VIÊN. — Theo tờ báo cáo của Tỉnh-Hội Lâm Viên, Tổng-Trị-Sự nhận thấy tiến hành Phật-sự rất đồng mãnh, đã tổ chức nhiều Tiểu ban để lo các công việc Hội, tựu trung có những Ban :

NGHIÊN CỨU: Từ sau khi Thầy Thiện-Minh vào Đà-Lạt, Thầy đã mở một lớp dạy Phật-Pháp, các thanh-niên nam-nữ theo học trên 30 người. Lớp ấy sau này thành đặt sẽ gánh vác một phần trong công việc hoằng pháp của Tỉnh-Hội. Ban ấy hiện đang dự trù lập một Phật-Học thư-viện mua các kinh sách Phật để làm tài liệu cho những Đạo-hữu muốn nghiên cứu giáo-lý Phật. Ngoài ra Ban ấy vừa mới tái bản được một nghìn cuốn « PHẬT-GIÁO SƠ-HOC » do Đoàn Phật-Học Đức-Dục soạn.

BAN CỨU TẾ: Theo chương trình và báo-cáo của ban ấy mà chúng tôi đính theo đây thiết tưởng Tổng-Trị-Sự cũng nhận thấy công việc làm của Ban ấy. Cứ 2 tuần một lần Ban ấy có bốn phận đi từng khu-vực để bố-thí thuốc men cho bệnh-nhân nghèo, và bố-thí áo quần quà bánh cho các bệnh-nhân ở Bệnh-viện. Cùng đi với Ban ấy có quý Thầy thuyết-pháp

QUẢN TRỊ BẤT ĐỘNG SẢN: Đã quyền được trên 12,615\$00 và còn đương vận động thêm, vì với số bạc ấy thấy chưa đủ để xây dựng một cơ sở vững-vàng được.

BAN CÔNG-ĐỨC: Do sáng kiến của Đạo hữu Phó-Hội-Trưởng NGUYỄN-VỸ ban này được thành lập, với bốn phận là hô hào cổ-động hội viên quyền vào quỹ Hội hàng tháng để khuyến trượng công việc Hội hiện thời. Có rất nhiều Đạo-hữu đã hưởng ứng đồng mãnh và đã ghi vào giấy tình nguyện.

TỈNH HỘI NINH-THUẬN. — Tỉnh-hội Ninh-Thuận đã xây dựng thêm một sở bãi đường rộng lớn đủ đứng rất đông hội-viên dự lễ. Đã tổ chức tại Tỉnh lỵ 9 khu và trong toàn hạt 7 Chi-Hội. Hội viên tu-học rất tinh tiến. Ngoài ra Tỉnh-Hội ấy đã làm nhà Tổ và chùa phật-tôn trên một trăm hai mươi ngàn đồng (120.000\$00), theo bản đồ đệ trình Tổng-Trị-sự duyệt, nhận thấy quý-mô rất chỉnh-đón, trang-nghiêm.

Trong Tỉnh-Hội ấy Chi-Hội BAO-AN cũng đồng thời dựng 2 nhà từ hữu tổn phí trên 30.000\$00 do Đạo-hữu trong Chi-Hội phát-tâm lạc cúng mà làm.

TỈNH HỘI QUẢNG-TRỊ. — Tỉnh-hội Quảng-Trị ngoài chi-hội Vinh-linh và Đồng-Hà đã tiếp tục tổ chức thêm được 3 Chi hội: TRIỆU-PHONG, HẢI-LĂNG và DO-LINH.

2) Tại Tỉnh-Hội 95% dân số đều vào chân Hội-viên.

3) Đã trùng tu lại chùa Hội-Quán rất trang nghiêm và đang dự trù chú một pho tượng Đức BỒN SƯ bằng đồng.

TỈNH HỘI KHÁNH-HÒA. — Tỉnh Hội Khánh-Hòa đã chấn chỉnh lại, tháng 5 Dương lịch vừa qua Thầy Giảng Sư THIÊN MINH đại diện Tổng-Trị-Sự đã đến Nha-trang chiêu tập các Hội-viên của Tỉnh-Hội ấy đã tổ chức một cuộc thuyết pháp và một cuộc họp đã thân được kết-quả khả quan.

Hiện nay Tổng-Trị-Sự đã can thiệp với nhà chức-trách địa phương và đã ủy-nhiệm đạo-hữu NGUYỄN-THIỆN-TRỰC để đảm nhận công việc tái lập Tỉnh-Hội ấy.

TIN TỨC THÊM

Tổng-Trị-Sự Hội-Việt-Nam Phật-Học vừa mới nhận thư và các khoản tiền của các Tỉnh-Hội và Chi-Hội gửi về :

1) Tỉnh-Hội Quảng-Trị phụ-nạp Tổng-Trị-Sự về năm 1949 : 750\$00.

2) Tỉnh Hội Lâm-viên phụ-nạp Tổng-Trị-Sự về đệ nhất lục cá nguyệt năm 1949 : 1.050\$00.

3) Các Chi-Hội do Tỉnh-Hội Lâm-Viên nhận chuyển :

a) Chi-Hội Cầu-Đất phụ-nạp Tổng-Trị-Sự đệ-nhất lục cá nguyệt năm 1949 : 184\$50.

b) Chi-Hội La-Bà phụ-nạp Tổng-Trị-Sự đệ-nhất lục cá nguyệt năm 1949 : 183\$40.

c) Chi-Hội Công-Hình phụ-nạp Tổng-Trị-Sự đệ-nhất lục cá nguyệt năm 1949 : 153\$90.

Còn các Tỉnh-Hội và Chi-Hội khác chưa thấy gửi về, nếu khi nào Tổng-Trị-sự nhận được sẽ tục đăng lên Viên Âm sau.



PHƯƠNG DANH CÁC-VỊ HAO TÂM CÙNG QUỸ
« PHẬT-HỌC TÙNG THU »

HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ BẠC	BÍ CHỮ
Ông Lê-văn-Tiền	Chợ-lớn	100\$00	
Ngài Trú-Tri chùa Vu-Lân	Quảng-Nam	100.00	
Ông Lý xuân Hòa	Đà-Nẵng	100.00	
Ông Nguyễn-v-Hạnh	»	100.00	
Ông Nguyễn-hữu-Tài	»	100.00	
Bà Lê-văn-Tập tức Nguyễn-thị-Mөг	»	100.00	
Bà Võ đoàn-Gia tức Nguyễn-thị-Vân	Sài-gòn	100.00	
Bà Lê-quang-Ngoan tức Nguyễn-thị-Khánh	Đà-Nẵng	100.00	
Bà Hồ-Kiểm tức Trần-thị-Đạt	»	100.00	
Bà Nguyễn công-Viên tức Lê-thị-Sang	»	100.00	
Bà Huỳnh-thị-Em, pháp- danh Như-Eưu	»	200.00	
Bà Nguyễn-thị-Đề	»	100.00	
Tỉnh hội Quảng-Nam	Hội-An	500.00	
Bà Phan-thị-Hai	Tourcham	200.00	
Chi Hội Cầu-Bảo		608.00	
Chi Hội Đồng-Hà		600.00	
Ban-viên Tổng trị-sự		5.000.00	
Bà Marty, pháp danh Tịnh Nga	23, L. Auger Đalat	2.000.00	xuất bản Viên-Ấm
Cải Hội Lạc-thủy	Quảng-bình	500.00	
Tỉnh-hội Lâm-viên	Đalat	1.050.00	
Cải Hội Cầu Đắt	»	430.50	
Chi Hội La Ba	»	420.60	Do Tỉnh Hội Lâm-Viên nhận chuyển
Cải Hội Công-Hình	»	359.10	
Họa-hữu Tự-Giác	(Huế)	100.00	
Ông Chủ nhà in Tân Hoa	»	500.00	
	Cộng :	13.568\$00	